

A. Thực trạng hoạt động tín dụng

Long An là tỉnh giàu tiềm năng của khu vực ĐBSCL, nhưng để khai thác có hiệu quả các tiềm năng đó cần phải có những động lực thúc đẩy cần thiết. Một trong các động lực quan trọng đó là khơi tăng nguồn vốn tín dụng ngân hàng để đáp ứng nhu cầu đầu tư kinh tế-xã hội của tỉnh. Nhận thức được điều này, thời gian qua các NHTM trên địa bàn đã có nhiều cố gắng thu hút vốn và đầu tư tín dụng vào các chủ thể kinh tế trên địa bàn tỉnh. Dự nợ tín dụng (chủ yếu là hoạt động cho vay) tăng trưởng liên tục qua từng năm, nhất là trong những năm gần đây (1998-2003) tốc độ tăng trưởng dự nợ tín dụng bình quân là tương đương 30% trên năm. Trong đó, năm 2000 tăng 34% năm, năm 2001 tăng 31%/năm, năm 2002 tăng 55%/năm và khi so sánh thời điểm 31.12.2003 với thời điểm 31.12.1998 thì sự tăng trưởng của dự nợ cho vay qua 5 năm là +4,5 lần (tương đương +347%). Điều này cho thấy hoạt động tín dụng của các NHTM đã đạt được những kết quả rất quan trọng.

Bảng 1: Dự nợ ngắn, trung, dài hạn của các NHTM từ năm 1990 đến năm 2003

ĐVT: 1 tỷ đồng

Năm	Ngắn hạn	Trung, dài hạn	Cộng
1990	127	19	146
1991	156	22	178
1992	219	22	241
1993	261	43	304
1994	348	41	389
1995	460	40	500
1996	499	106	605
1997	641	170	811
1998	691	243	934
1999	811	251	1.062
2000	1.101	325	1.426
2001	1.367	501	1.868
2002	1.877	1.011	2.888
2003	2.660	1.516	4.176

(Nguồn: Báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Long An)

Kết quả cho thấy sự tăng trưởng ổn định về dự nợ cho vay tại các NHTM trong tỉnh thời gian qua và khi tìm hiểu sâu hơn, chúng ta sẽ thấy rằng:

1. Tỷ lệ cho vay trung, dài hạn trong tổng dự nợ cho vay tại các NHTM luôn được quan tâm và từng bước được nâng lên:

Trong những năm đầu chuyển sang kinh doanh, dưới sự điều chỉnh của Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh các tổ chức tín dụng và hợp tác xã tín dụng, nguồn vốn trung, dài hạn còn rất hạn chế cho nên tỷ trọng cho vay trung dài hạn trong tổng dự nợ cho vay luôn ở mức thấp, chỉ đạt bình quân 13% (từ những năm 1990 đến năm 1997).

Từ khi Luật NHNN và Luật các tổ chức tín dụng ra đời cho đến nay, môi trường hoạt động của các tổ chức tín dụng được thuận lợi hơn; cùng với sự tăng trưởng

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Long An

Thạc sĩ ĐOÀN THỊ HỒNG

không ngừng về dự nợ cho vay thì cơ cấu dự nợ cho vay trung và dài hạn cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng dự nợ chung của các ngân hàng thương mại trên địa bàn (28% tổng dự nợ bình quân từ năm 1998 đến năm 2003), nhất là từ năm 2000 trở lại đây, tỷ lệ này luôn đạt ở mức cao (năm 2000 là 29%; năm 2001 là 26%; năm 2002 là 35% và năm 2003 là 36%). Nếu như cuối năm 1990 dự nợ trung và dài hạn chỉ đạt 19 tỷ đồng thì đến năm 2000 đã tăng lên 325 tỷ đồng và năm 2003 là 1.516 tỷ đồng, cho thấy sự đầu tư tín dụng ngân hàng đã có sự chuyển hướng đi vào chiều sâu.

II. Cơ cấu cho vay theo thành phần kinh tế:

Thực hiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong thời kỳ đổi mới, tín dụng ngân hàng cũng đã có những chuyển biến tích cực trong việc vay đối với các thành phần kinh tế không ngừng tăng lên và tăng khá đều, tín dụng ngân hàng đã đầu tư khá toàn diện, đặc biệt từ năm 1996 trở lại đây.

Bảng 2: Dự nợ phân theo thành phần kinh tế từ năm 1996 đến năm 2003

ĐVT: 1 tỷ đồng

Năm	DNNN	HTX	DNTN và CT TNHH	Hộ SX, cá thể khác	Cộng
1996	274	4	16	311	605
1997	347	4	25	435	811
1998	405	4	32	493	934
1999	293	4	55	710	1.062
2000	360,4	0,3	88,3	977	1.426
2001	395,9	0,3	230,1	1.241,7	1.868
2002	478	-	512	1.898	2.888
2003	369	1	329	3.477	4.176

(Nguồn: Báo cáo của Chi nhánh NHNN tỉnh Long An)

Từ bảng trên cho ta thấy dự nợ theo thành phần kinh tế trong những năm qua (không kể kinh tế HTX) đều tăng. Trong đó: dự nợ doanh nghiệp nhà nước, hộ sản xuất và doanh nghiệp tư nhân cá thể tăng ổn định. Các ngân hàng thương mại trên địa bàn đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng

đối tượng đầu tư đến tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn.

III. Tín dụng ngân hàng góp phần thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương:

Bảng 3: Dư nợ phân theo ngành kinh tế từ năm 1996 đến năm 2003

ĐVT: 1 tỷ đồng

Năm	Nông lâm thủy sản	Công nghiệp	Xây dựng	Thương mại dịch vụ	Khác	Cộng
1996	313	73	93	51	75	605
1997	442	89	162	55	63	811
1998	579	136	76	60	83	934
1999	665	141	81	80	95	1.062
2000	1.075	119	57	162	13	1.426
2001	1.166	132	99	456	15	1.868
2002	1.445	225	198	1.016	4	2.888
2003	2.183	279	282	706	726	4.176

(Nguồn Báo cáo của Chi nhánh NHNN tỉnh Long An)

Với bảng số liệu trên cho thấy dư nợ cho vay các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ tăng dần qua các năm. Tuy cho vay ngành nông nghiệp, thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng cao. Song, có thể thấy cơ cấu dư nợ cho vay trên đã phản ánh hướng thay đổi tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ...

IV. Về thị phần đầu tư vốn tín dụng:

Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh luôn giữ thị phần trên 55%, Chi nhánh ngân hàng công thương tỉnh chiếm 17%, chi nhánh ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh 10%. Riêng 2 đơn vị còn lại (Chi nhánh Ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL và Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Rạch Kiến) chỉ chiếm 18% thị phần. Tuy nhiên, hiện nay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh và Chi nhánh Ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL (vừa mới thành lập cuối năm 2001) đang tiếp tục mở rộng đầu tư tín dụng. Mặt khác, một số ngân hàng thương mại tại TP.HCM đang mở rộng thị phần ra các tỉnh trong đó có Long An cho nên trong thời gian tới, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Long An sẽ phải đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt trên thị phần tín dụng.

Điều cần quan tâm ở đây là sự cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng trên địa bàn được thúc đẩy nhằm đem lại những tiện ích từ các dịch vụ tài chính của ngân hàng cho khách hàng. Tuy nhiên, cũng cần phải kiểm soát được sự cạnh tranh để hạn chế và loại bỏ các tiêu xảo cạnh tranh không lành mạnh, bất chấp các qui định chung dẫn đến sự bất ổn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và khách hàng.

V. Chất lượng tín dụng:

Với phương châm an toàn, thiết thực, hiệu quả trong hoạt động, các ngân hàng thương mại đã xây dựng cho mình một kế hoạch hoạt động phù hợp với

đặc điểm riêng của từng ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn.

Bảng 4: Dư nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại tỉnh Long An qua các năm 1996-2003

ĐVT: tỷ đồng

Năm	Nợ quá hạn	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng DN	Trong đó: khó đòi
1996	14,12	2,3	6,24
1997	19,75	2,4	5,6
1998	43,5	4,6	17,7
1999	26,3	2,6	7,4
2000	38,4	2,7	29,5
2001	31,5	1,7	19,2
2002	38,5	1,3	23,7
2003	125	3	15

(Nguồn: Báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh)

Bảng 4 cho thấy: Nhìn chung, nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại trong tỉnh luôn nằm trong tỷ lệ cho phép của Ngân hàng Nhà nước VN.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, nợ quá hạn, nợ khó đòi có hướng gia tăng và phát sinh ở tất cả các tổ chức tín dụng: Đầu tư tín dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước đã bộc lộ nhiều rủi ro, làm cho tỷ lệ nợ quá hạn tại các NHTM tăng, mặt khác, cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn cũng đang tiềm ẩn nhiều rủi ro và cũng là lĩnh vực có nhiều rủi ro ngoài dự kiến nhất.

VI. Những mặt hạn chế về hoạt động tín dụng của các NHTM tỉnh Long An trong những năm qua:

1. Các NHTM chưa sử dụng đầy đủ các hình thức của TDNH để phát huy tối đa ưu thế của hoạt động này:

Hoạt động tín dụng của các NHTM trên địa bàn tỉnh trong những năm qua hầu như chỉ tập trung vào công tác huy động vốn và cho vay mà chưa có những biện pháp hữu hiệu nhằm khuyến khích và thu hút khách hàng sử dụng tích cực các hình thức khác của tín dụng ngân hàng như: chiết khấu, bảo lãnh, tín dụng chứng từ, cho thuê tài chính nhằm tạo ra tính đa dạng về hình thức cung cấp vốn.

2. Mạng lưới, đơn vị ngân hàng cơ sở trực thuộc các NHTM tỉnh từng bước được mở rộng. Tuy nhiên, có nơi, có lúc các NH vẫn chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn trong sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến thời vụ trong sản xuất nhất là việc cho vay người dân ở vùng sâu vùng xa...

3. Cho vay trung, dài hạn mặc dù có tăng trưởng qua từng năm và đang ở mức khá cao (chiếm tỷ lệ 36% trên tổng dư nợ chung, thời điểm 31.12.2003), nhưng đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng vẫn ở mức thấp (10% trên tổng dư nợ, thời điểm 31.12.2003).

4. Cơ cấu đầu tư tín dụng vào các thành phần kinh tế đã phần nào phù hợp và tăng trưởng ổn định. Tuy



nhiên, việc cho vay đối với kinh tế trang trại thời gian qua còn rất thấp (1% trên tổng dư nợ chung của các NHTM thời điểm 31.12.2003) và hầu như không đầu tư vào kinh tế HTX từ 1996 đến nay.

5. Hoạt động tín dụng còn bộc lộ những sơ hở dẫn tới khả năng rủi ro tín dụng khá lớn:

- Một số ngân hàng còn lỏng lẻo trong khâu kiểm tra mục đích sử dụng vốn, sử dụng vốn vay không đảm bảo nguyên tắc, điều kiện, thủ tục hồ sơ vay... Điều này rất nguy hiểm cho các ngân hàng thương mại có nguy cơ mất vốn hoặc đẩy nợ quá hạn tiếp tục tăng lên.

- Chưa kiểm tra chặt chẽ tài sản thế chấp, đánh giá tài sản thế chấp không sát thực tế, do đó, khi cần phát mãi thì không đảm bảo thu hồi nợ gốc và lãi, tài sản thế chấp đôi khi không thuộc quyền sở hữu của người vay...

- Khách hàng dùng vốn vay của ngân hàng này để trả nợ ngân hàng khác... Cán bộ tín dụng chưa nắm được khả năng tài chính của khách hàng.

- Gia hạn nợ nhiều lần, thời gian gia hạn nợ dài hơn kỳ hạn nợ cho vay, có hiện tượng đảo nợ nhiều lần.

- Cho vay không đúng đối tượng, cho vay khách hàng kinh doanh mặt hàng không được quy định trong giấy phép kinh doanh.

- Định kỳ hạn nợ chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của đối tượng này.

B. Một số giải pháp cơ bản

Từ thực trạng hoạt động của các NHTM trên địa

bàn trong những năm qua cho thấy, hiện nay cũng như trong những năm tới hoạt động của các NHTM còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là công tác đầu tư tín dụng. Vì vậy, việc nghiên cứu nâng cao chất lượng hoạt động của các NHTM đặc biệt trong lĩnh vực tín dụng có ý nghĩa rất quan trọng, có tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của từng NHTM.

1. Nhóm giải pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của tín dụng tại các NHTM:

1. Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ sự nghiệp công cộng hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn như:

- a. Tiếp tục xây dựng các đơn vị ngân hàng cơ sở ở những khu tập trung dân cư, kinh tế phát triển như: các khu công nghiệp, các thị trấn, thị tứ...

- b. Sử dụng mạng lưới ngân hàng di động (ngân hàng tại nhà) phục vụ đến tận thôn, xã, đơn vị kinh tế...

- c. Mở rộng và tăng cường hơn nữa mạng lưới đại lý dịch vụ hoa hồng đến các xã, phường, thị trấn, đơn vị, tổ chức kinh tế...

2. Phát huy và sử dụng triệt để các hình thức đầu tư của tín dụng ngân hàng như: cho vay, chiết khấu, bảo lãnh ngân hàng, tín dụng chứng từ, cho thuê tài chính...

3. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cho vay, như: cho vay theo món, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay hợp vốn, cho vay trả góp (cho vay tiêu dùng), cho vay theo hạn mức dự phòng và cho vay theo hạn mức thấu chi... Mặt khác, việc thực hiện đa dạng hóa các loại hình cho vay cần gắn liền với việc mở rộng và

nâng cao hiệu quả công tác cho vay ở cả 2 lĩnh vực: cho vay ngắn hạn và cho vay trung dài hạn.

II. Nhóm giải pháp ngăn ngừa, hạn chế và xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng của các NHTM:

1. Phân loại khách hàng và quyết định đầu tư tín dụng:

Do yêu cầu nghiệp vụ, việc lập lý lịch doanh nghiệp và phân loại khách hàng vay vốn có những yêu cầu đặc thù riêng, ngân hàng cần phải theo dõi nắm chắc tình trạng sức khỏe của từng khách hàng: căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, căn cứ vào thực trạng sản xuất kinh doanh, đặc biệt chú ý đến nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, năng lực và đạo đức của ban điều hành mà xếp loại khách hàng trên cơ sở hết sức khách quan. Đây là nguồn thông tin rất quan trọng trong quyết định đầu tư tín dụng của các ngân hàng.

2. Nâng cao chất lượng tín dụng:

- Thường xuyên rà soát lại từng khoản cho vay:
- + Định kỳ thường xuyên hoặc đột xuất phải xem xét thực tế tình hình SXKD của khách hàng.

- + Thường xuyên rà soát, kiểm kê, kiểm tra hồ sơ pháp lý, TSTC, cầm cố. Nhằm phát hiện sớm những sơ suất, thiếu sót trong việc thực hiện qui trình cho vay cũng như việc thế chấp, cầm cố và kiên quyết có biện pháp xử lý phù hợp, khắc phục kịp thời các tồn tại thiếu sót.

- + Vấn đề TSTC, cầm cố: thế chấp, cầm cố tài sản là các hình thức chủ yếu để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng, nó là cơ sở vững chắc (khi đã loại trừ yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến TSTC, cầm cố) giúp các ngân hàng mạnh dạn khi quyết định đầu tư vốn.

3. Thực hiện việc phòng ngừa rủi ro: Kinh tế thị trường bao giờ cũng chứa đựng đầy những rủi ro. Rủi ro càng bộc lộ rõ nét hơn trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, nhất là trong hoạt động tín dụng. Phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng, chúng ta cần chú trọng các vấn đề sau:

- Hoàn thiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng:

- + NHNN cần rút kinh nghiệm và tiếp tục hoàn thiện qui chế hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng. Hoạt động của tổ chức này cần phải phù hợp với thực tế và có hiệu quả tích cực ở các mặt như: tổ chức thu thập thông tin; phân tích đánh giá xếp loại các doanh nghiệp và lưu trữ thông tin; cung cấp chính xác và kịp thời thông tin khi các NHTM có nhu cầu.

- + Các NHTM và trung tâm thông tin tín dụng cần phải thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến khách hàng cũng như việc bảo mật tuyệt đối mọi thông tin theo đúng quy định của NHNN.

- Thực hiện đăng ký các giao dịch bảo đảm: Cần thực hiện nghiêm túc việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo Nghị định số: 08/2000/NĐ-CP, ngày 10.03.2000 về đăng ký giao dịch bảo đảm của Chính phủ và thông

tư hướng dẫn thi hành nghị định này của Bộ tư pháp và các ngành liên quan.

Phân tán rủi ro:

Các NHTM trong tỉnh cần phải phối hợp đồng tài trợ cho từng chương trình, từng thương vụ cụ thể, các ngân hàng cần chủ động bàn bạc và phối hợp để tìm đối tác. Trước mắt chi nhánh NHNN tỉnh Long An có thể chủ trì nghiên cứu cách phối hợp, thực hiện để rút kinh nghiệm và thực hiện có hiệu quả việc đồng tài trợ của các ngân hàng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ ở từng NHTM: kiểm tra, kiểm toán nội bộ ngân hàng phải phát hiện kịp thời mọi sai phạm trong hoạt động ngân hàng và xử lý, khắc phục triệt để. Muốn làm được điều này, các NHTM trên địa bàn tỉnh cần phải quan tâm nhiều hơn đến đội ngũ cán bộ viên chức làm công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ; phải xây dựng một đội ngũ kiểm tra viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ nghiệp vụ phải thật sự giỏi và có đủ sức khỏe để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đồng thời mở rộng quyền và trách nhiệm của cán bộ viên chức trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ; thực hiện việc thưởng, phạt nghiêm minh. Đi đôi với việc chấp hành nghiêm túc các qui định về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của ngành và pháp luật nhà nước.

4. Xử lý nợ khê đọng:

Với nhiều lý do khác nhau, việc xử lý nợ khê đọng là vấn đề nan giải. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, biện pháp khả thi có thể chấp nhận được trong giải quyết nợ khê đọng là:

Cần có bộ máy thi hành án có đủ sức mạnh, như: Cục cảnh sát thi hành án trực thuộc Bộ tư pháp để thi hành nghiêm túc mọi bản án có hiệu lực pháp luật đặc biệt là án dân sự. Phải kiên quyết thi hành xong trong thời hạn luật định không được kéo dài thời gian.

Tóm lại: Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng luôn là vấn đề được các NHTM trên địa bàn đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động tín dụng của các NHTM trong tỉnh đã bộc lộ khá nhiều tồn tại, thiếu sót, sức cạnh tranh không cao; trước mắt và những năm tới, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng các NHTM cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ bản đó là: Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển hoạt động tín dụng: tăng cường hơn nữa công tác quản lý tín dụng: thực hiện nghiêm túc nội dung và lộ trình đề án cơ cấu lại hệ thống các NHTM; đổi mới công tác cán bộ; nghiên cứu có hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động tín dụng và tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ. Đồng thời thực hiện nghiêm túc các giải pháp cụ thể, đó là: Phân loại khách hàng; đa dạng hóa và các loại hình cho vay; nâng cao chất lượng tín dụng; phòng ngừa rủi ro và xử lý nợ khê đọng.

Thực hiện đồng bộ và tích cực các giải pháp nêu trên sẽ tạo ra sức bật mới, tạo điều kiện giúp các NHTM hoạt động ngày càng mở rộng, an toàn và hiệu quả ■